

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **11/2019/DS-ST**

Ngày: 27/11/2019

V/v “*Kiến đòi thực hiện nghĩa vụ
của người chết để lại*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Xuân

Bà Huỳnh Thị Châu

- **Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2016/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2016, về việc: “*Kiến đòi thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 07 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98B/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 07 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 01/TB- TA ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 153/2019/QĐST-DS ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Anh Phạm Tích T**, sinh năm: 1989.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1959 (*Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2016*).

Cùng cư trú: Số 208B, tổ 1, khu phố H, phường L, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim Th** (đã chết).

Đại diện hợp pháp: **Anh Trần Minh Tr**, sinh năm: 1989 (Con ruột).

Nơi cư trú: Số D3/100, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của anh Tr: **Anh Lý Khánh H**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số 210c/21, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2018*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Chị Trần Thị Xuân D**, sinh năm: 1976

+ **Anh Trần M**, sinh năm: 1980.

Cùng cư trú: Ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ **Anh Trần Minh M**, sinh năm: 1985.

+ **Chị Trần Thị Xuân Th**, sinh năm: 1990.

+ **Chị Trần Bùi Bích Ph**, sinh năm: 1993.

+ **Anh Trần Minh T**, sinh năm: 1995.

Cùng cư trú: Số nhà D3/100, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ **Chị Trần Thị Xuân T**, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của chị D, anh M, ông M, chị Th, chị Ph, anh T, chị T: **Anh Lý Khánh H**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số 210c/21, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2018, ngày 22/5/2019*).

+ **Bà Trần Thị L**, sinh năm 1938

Nơi cư trú: Số B3, ấp N, Xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X, ông H có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2016 và các bản tự khai cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị X trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết và đã nhiều lần bà X cho bà T vay mượn tiền để lấy hàng khi tàu đi đánh cá, khi tàu về có hàng bán là bà T lại trả tiền cho bà X. Nhiều lần bà T vay tiền từ khoảng một trăm triệu đến bốn trăm triệu đồng, vay khoảng trong vòng một tháng là trả, khi vay mượn không thể chấp hay cầm cố tài sản gì để đảm bảo. Nên ngày 01/11/2013 do cần tiền làm ăn, cũng như những lần trước, bà T đến nhà bà X mượn số tiền là 250.000.000 đồng. Nhưng do không có tiền nên bà X nói con trai (là anh Th) cho bà T mượn nhưng do anh Th chỉ có 239.500.000 đồng nên đã đưa cho bà T vay số tiền trên. Khi vay giữa hai bên có viết giấy mượn tiền và có bà X làm chứng và cùng kí vào giấy vay tiền. Bà T hẹn một tháng sau sẽ trả. Đến thời hạn trả nợ, bà T cứ hẹn mãi không trả, vì vậy anh Th và bà X đến nhà tìm gặp thì bà T, bà T nói con trai là anh Trần Minh Tr và Trần Minh M cầm sổ đỏ trả cả vốn lẫn lãi đưa cho anh Th. Sau đó, anh M yêu cầu bán căn nhà của bà T là 1.500.000.000 đồng cho anh Th, cần trả nợ còn bao nhiêu thì anh Th, bà X phải trả lại cho anh M số còn thiếu. Nhưng anh Th không đồng ý mua nhà do giá quá cao và anh M không đồng ý trả tiền nên anh Th khởi kiện ra Tòa án.

Tại phiên tòa, bà X yêu cầu tất cả những người con của bà Th phải trả cho anh Th số tiền còn thiếu là 239.500.000 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi với số tiền trên.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Lý Khánh H trình bày:**

Bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, liên quan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tích Th vì lúc còn sống bà T không hề nhắc về số tiền nợ giữa bà và anh Th với những người con trong gia đình nên các con của bà T không hề biết về số nợ trên và cũng không biết anh Th là ai. Theo tất cả những người con của bà T thì giấy mượn tiền ngày 01/11/2013 do anh Th cung cấp cho Tòa án không có cơ sở để khẳng định đó là chữ ký và chữ viết của bà T. Hơn nữa, bà T là người bán rau nhỏ lẻ ở huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai chứ không kinh doanh tàu cá như phía nguyên đơn trình bày. Anh Tr không phải là người đại diện theo pháp luật của bà T nên anh Tr không có nghĩa vụ phải trả số nợ trên cho bà Th.

Nay nguyên đơn yêu cầu tất cả những người con của bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Th số tiền là 239.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên thì tất cả những người con của bà T không đồng ý. Vì lý do là việc mượn số tiền trên là không có trên thực tế. Mặt khác, tất cả những người con của bà T không có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên cho bà T.

Ý kiến về giá trị thẩm định giá tài sản vào ngày 25/7/2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến: Anh không đồng ý với giá trị mà Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến cung cấp nhưng anh không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định giá tài sản trên vì diện tích đất 259m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 755, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại xã Q, huyện Thống Nhất (nay thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 36) không liên quan gì trong vụ án này.

Tài sản này được thẩm định có giá là 893.650.000 đồng (Tám trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Anh đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý Kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng, nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn; đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành pháp luật kể từ khi hòa giải cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bị đơn Bà Bùi Thị Kim T (đã chết); đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Minh Tr (Con ruột) có nơi cư trú tại số D3/100, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Bà T chết vào ngày 14/6/2014, anh Th khởi kiện được Tòa án thụ lý vào ngày 17/11/2016 vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bà Bùi Thị Kim T (chết), chồng bà T là ông Trần C (chết) theo như biên bản xác minh nhân thân và tài sản của Ủy ban nhân dân xã Q ngày 06/10/2016 xác định anh Trần Minh Tr (con ruột) là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà tọa lạc tại số D3/100, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nằm trên diện tích đất 252m² (ONT) thửa đất số 30, tờ bản đồ số 36, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Bùi Thị Kim T, nên xác định anh Tr là người đại diện hợp pháp cho bị đơn là bà T đã chết. Cha đẻ của bà T chết. Cha đẻ, mẹ đẻ của ông C chết, nên mẹ đẻ của bà T, các con của bà T thuộc hàng thừa kế thứ nhất của những người thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện những người thừa kế về tài sản của bà T theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tham gia tố tụng với tư cách bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 18/11/2019 Tòa án đã tiến hành xét xử vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai mẹ ruột của bà T là bà Trần Thị L, sinh năm: 1938 vẫn còn sống và hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số B3/050, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ mà không thể bổ sung được ngay tại phiên tòa. Sau khi thu thập chứng cứ xác định bà Trần Thị L còn sống nên đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kiện đòi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Đối với giấy mượn tiền ngày 01/11/2013 thể hiện nội dung: Tôi tên Bùi Thị Kim T - sinh ngày 15/12/1961, có vay anh Phạm Tích Th số tiền 235.900.000đ, hẹn đến ngày 01/12/2013 tôi sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Bà T viết giấy vay nợ này tại phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, lúc này bà T đang buôn

bán cá tại chợ Bà Rịa. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền gốc theo giấy vay tiền, giao dịch dân sự này phù hợp với các quy định tại các Điều 471, 472, 473, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, cho nên áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên hiện nay bà T chết nên nguyên đơn yêu cầu các con của bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên.

Về phía bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng theo tất cả những người con của bà T thì giấy mượn tiền ngày 01/11/2013 do anh Tr cung cấp cho Tòa án không có cơ sở để khẳng định đó là chữ ký và chữ viết của bà T do số chứng minh nhân dân của bà T trong giấy mượn tiền không đúng so với số chứng minh của bà T trên thực tế. Mặt khác, nguyên đơn khẳng định giấy mượn tiền hoàn toàn do bà T tự viết nhưng nhìn bằng mắt thường có thể thấy giấy mượn tiền này có hai nét chữ khác nhau, do hai người khác nhau viết ra. Hơn nữa, bà T là người bán rau nhỏ lẻ ở huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai chứ không kinh doanh tàu cá như phía nguyên đơn trình bày. Anh Tr không phải là người đại diện theo pháp luật của bà T nên anh Tr không có nghĩa vụ phải trả số nợ trên cho bà T.

[4] Về nghĩa vụ chứng minh:

- Nguyên đơn xuất trình giấy vay nợ có họ tên, địa chỉ bà T, bản photocopy chứng minh nhân dân bà T.

- Phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng không có việc vay nợ thể hiện qua số chứng minh nhân dân của bà T, nét chữ được viết trong giấy vay tiền và kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Vì đối chiếu số chứng minh nhân dân của bà T trong giấy mượn tiền ngày 01/11/2013 và số chứng minh nhân dân trên thực tế của bà T là không trùng khớp. Mặt khác, căn cứ kết luận giám định số: 368/C54B ngày 29/01/2018 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Bùi Thị Kim T. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản:

Anh Phạm Tích Th đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.000.000 đồng, tiền thẩm định giá 7.825.000 đồng, tiền giám định 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.825.000 đồng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà X không yêu cầu giải quyết số tiền trên theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do nguyên đơn bị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên phải chịu toàn bộ chi phí trên. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, 472, 473, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 613, Điều 614, khoản 1, khoản 2 Điều 615 và điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Tích Th về việc kiện đòi thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại để yêu cầu những người thừa kế của bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Phạm Tích Th số tiền 235.900.000 đồng (hai trăm, ba lăm triệu, chín trăm ngàn đồng) trong phạm vi di sản của bà Bùi Thị Kim T để lại.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Buộc anh Phạm Tích Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.795.000 đồng (mười một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.897.000 đồng theo biên lai thu số 005865 ngày 17/11/2016 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Anh Th còn phải nộp tiếp 5.898.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Tích Th phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 11.825.000 đồng. Anh Th đã nộp đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- THA huyện TN;
- VKS huyện TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Thành